

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC VÀ KHOÁNG SẢN

====**====



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC VÀ KHOÁNG SẢN
NĂM 2017

Năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC VÀ KHOÁNG SẢN
Năm 2017

Phần I: Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104575757 ngày 02/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần 03 ngày 26/04/2016
- Vốn điều lệ: 23.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 23.800.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 80 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024.38311628; 0247764278
- Số fax: 024.7764278
- Website: www.surminco.com.vn
- Mã cổ phiếu: SUM

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Liên đoàn Trắc địa địa hình thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam được thành lập tại Quyết định số 256/QĐ-TC ngày 15/7/1978 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Địa chất trên cơ sở Đoàn 56 được thành lập năm 1967, là Công ty con của Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Từ ngày 28/09/2010, Công ty Đo đạc và Khoáng sản chuyển thành Công ty TNHH MTV Đo đạc và Khoáng sản theo Quyết định số 275/QĐ-HĐTV ngày 28/09/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104575757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/11/2010.

Thực hiện Quyết định số 2913/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đo đạc và Khoáng sản thành công ty cổ phần. Theo đó, từ ngày 26/04/2016, Công ty chính thức đổi thành Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản.

Kể từ ngày thành lập đến nay, Công ty luôn là đơn vị tiên phong thực hiện nhiệm vụ tư vấn dịch vụ trong các lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, điều tra thăm dò địa chất, khoáng sản... trong phạm vi cả nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Khảo sát, thiết kế, lập dự án, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, tư vấn, kiểm tra, giám sát, thẩm định chất lượng công trình sản phẩm về đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo.

+ Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao, lưới trọng lực, lưới địa chính các cấp hạng. Đo vẽ, thành lập và hiện chỉnh bản đồ địa hình; đo vẽ bản đồ địa hình đáy sông, hồ, biển, đảo.

+ Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề.

+ Đo đạc để lập và chỉnh lý bản đồ địa chính; Lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính; Kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thống kê, kiểm kê đất đai; Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

+ Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều tra thổ nhưỡng, đánh giá thích nghi và phân hạng đất đai.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin địa lý GIS; xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin chuyên ngành trong các lĩnh vực tài nguyên môi trường.

+ Khảo sát địa hình; Quan trắc biến dạng, biến dạng công trình; Khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật; Khảo sát, đo đạc quan trắc khí tượng, thủy văn, công trình.

+ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Điều tra, đánh giá, tìm kiếm, thăm dò, quy hoạch địa chất, khoáng sản, nguồn nước.

- Địa bàn kinh doanh: các tỉnh trong phạm vi cả nước

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.*

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình:

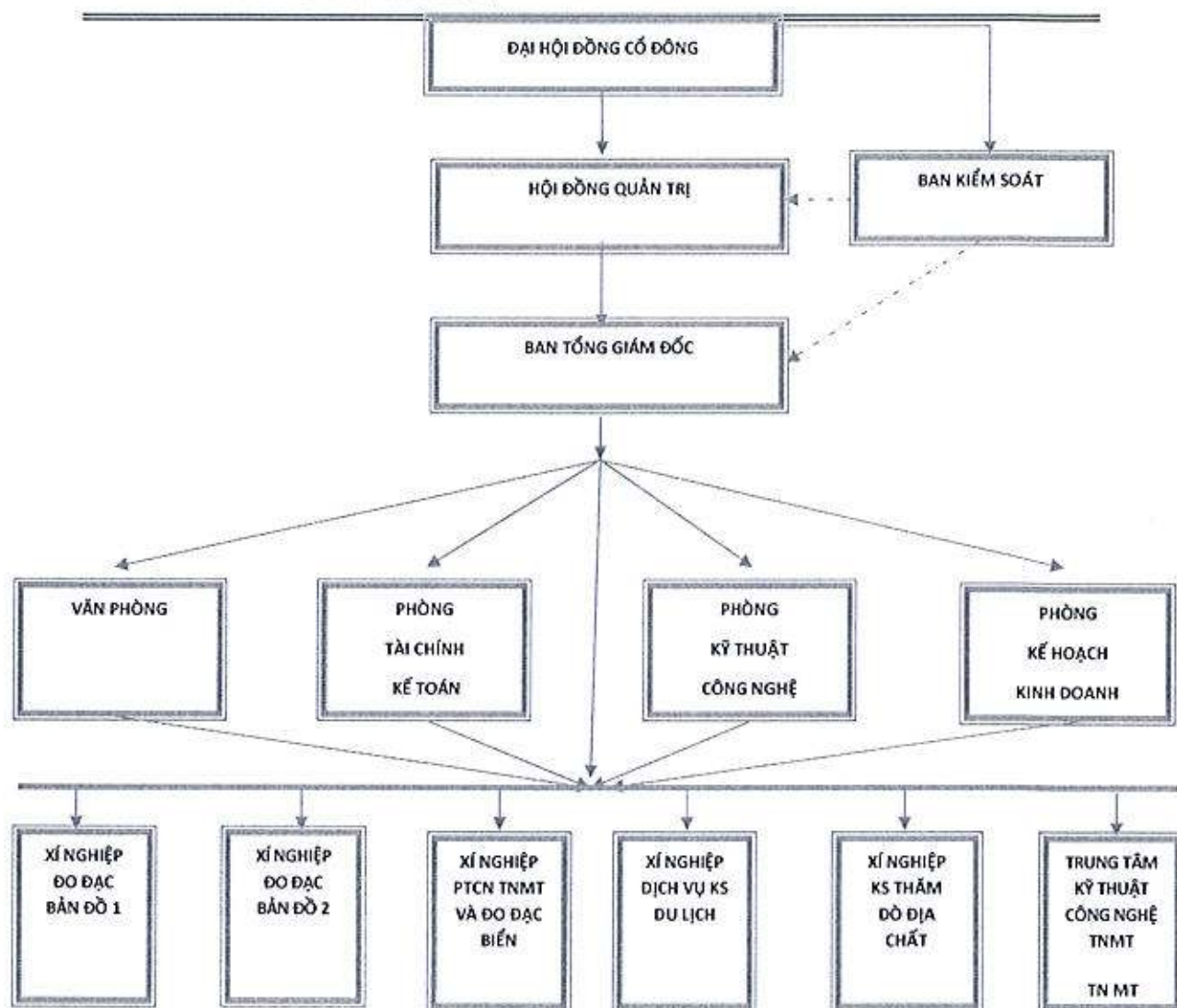
1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: *(Sang trang)*



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD):

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị (HDQT):

Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCD quyết định. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. HDQT gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động là 5 (năm) năm.

Ban kiểm soát:

Do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh

doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động là 5 (năm) năm.

Ban Giám đốc:

Do HĐQT bổ nhiệm gồm có một Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.

Các phòng ban nghiệp vụ:

Văn Phòng: Thực hiện chức năng bảo vệ cơ quan, công tác lễ tân, tiếp khách đối ngoại, theo dõi công văn đến, đi, trực điện thoại, fax, phổ thông tài liệu nội bộ; theo dõi đội ngũ lái xe con; đảm bảo các nhu cầu văn phòng, hành chính trong công ty, chịu trách nhiệm vệ sinh, y tế trong khu vực cơ quan...

Thực hiện chức năng quản lý và tổ chức cán bộ công nhân viên trong công ty, thực hiện các chính sách, chế độ lao động và lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, công tác an toàn lao động trong công ty.

Trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất lập kế hoạch tuyển chọn, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân cho phù hợp với nhiệm vụ của các bộ phận, các công trình.

Theo dõi chặt chẽ mức lương, diễn biến lương, giải quyết các chế độ chính sách, bảo hiểm, phép, bảo hộ lao động, hưu trí... của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty; xây dựng nội quy công tác chế độ làm việc trong công ty.

Định kỳ báo cáo công tác lao động, tiền lương, công tác cán bộ cho các cấp quản lý. Quản lý hồ sơ lý lịch của CB CNV.

Phòng Tài chính - Kế toán: Giúp lãnh đạo Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về kế toán tài chính theo quy định của nhà nước. Kiểm tra giám sát tình hình sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất và các mặt hoạt động của công ty lập kế hoạch tài chính hàng quý, năm trình các cấp quản lý, lập các hồ sơ xin cấp vốn, các luận chứng đầu tư thiết bị, thủ tục vay vốn ngân hàng, kế hoạch tiền mặt phục vụ sản xuất.

Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, các hoá đơn, chứng từ thanh toán để đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp. Theo dõi việc thực hiện các quỹ tại công ty. Tổ chức hạch toán trong công ty từ đó tham mưu cho Tổng giám đốc điều chỉnh các quyết định để tổ chức sản xuất hợp lý tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ đối với người lao động theo chính sách, quy định của Chính phủ.

Thanh quyết toán các chi phí và chi trả các chi tiêu phát sinh trong nội bộ công ty theo các quy chế của công ty quy định và chế độ của nhà nước.

Lập các báo cáo tài chính ở các kỳ báo cáo theo quy định gửi các cấp quản lý, trên cơ sở số liệu tại các kỳ báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác tài chính cũng như hiệu quả sản xuất; Tham mưu cho lãnh đạo công ty trong công tác điều hành

sản xuất về mặt tài chính, nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác kỹ thuật, công nghệ; Tổ chức thực hiện công tác kỹ thuật, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm của các nhiệm vụ, các hợp đồng kinh tế trong và ngoài ngành. Đề xuất và tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tin học phục vụ công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác kinh doanh của công ty, lập các hồ sơ đấu thầu các công trình, tìm kiếm việc làm, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các kế hoạch sản xuất của Công ty ở các đơn vị sản xuất. Soạn thảo các hợp đồng kinh tế và các thủ tục thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng với các chủ đầu tư và các đối tác kinh doanh cũng như nội bộ công ty. Lập các dự toán công trình để trình duyệt, lập dự toán nội bộ công ty và trình các phương án giao khoán cho các đơn vị, đội sản xuất.

Lập báo cáo thực hiện kế hoạch hàng quý, năm và phương hướng nhiệm vụ cho kỳ sau cho các cấp quản lý đồng thời thông báo cho các bộ phận trong Công ty biết để thực hiện.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty: Gồm các Xí nghiệp, Trung tâm trực tiếp chịu trách nhiệm thi công các công trình theo kế hoạch được giao, đúng tiến độ, chất lượng và quy trình, quy định, quy phạm.

Các đơn vị trực thuộc được tổ chức và hoạt động kinh doanh theo mục tiêu chung mà Công ty đề ra, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước lãnh đạo Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan;

Các đơn vị trực thuộc Công ty có con dấu riêng, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty;

Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Công ty, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Các đơn vị trực thuộc Công ty hoạt động kinh doanh trong cùng một lĩnh vực, trong cùng môi trường hoặc cùng một loại dịch vụ có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ nhau trong các định hướng, chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường đã được thống nhất, trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi; nhằm phục vụ cho mục tiêu chung của Công ty.

Đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty được Tổng giám đốc ủy quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự.

4. Định hướng phát triển:

Là đơn vị có uy tín trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai và điều tra thăm dò khoáng sản, Công ty đặt ra các mục tiêu cơ bản như sau:

- Xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững với tốc độ tăng trưởng trung bình từ 5-10%, bảo toàn và phát triển vốn.

- Định hướng mở rộng hoạt động trong các lĩnh vực khác ngoài đo đạc bản đồ, quản lý đất đai như lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu..., đặc biệt là phát triển mảng đầu tư như đầu tư liên doanh liên kết trong việc xây dựng, hoàn thiện các trụ sở tại những khu đất do Công ty quản lý, tham gia đầu tư việc khai thác, chế biến khoáng sản.

- Duy trì, phát huy mối quan hệ hợp tác với khách hàng truyền thống, tạo thị trường ổn định trong sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý nhằm cải thiện môi trường làm việc, tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Tăng cường đầu tư thiết bị máy móc và công nghệ nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế:

Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản là đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, điều tra thăm dò khoáng sản ký kết hợp đồng với các Sở Tài nguyên và Môi trường từ nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước. Do đó khi nền kinh tế sụt giảm thì nguồn vốn ngân sách cấp cho ngành tài nguyên và môi trường sẽ giảm đi và không có nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng nhiều, không đủ vốn để sản xuất kinh doanh.

5.2 Rủi ro về pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành

Trong lĩnh vực khảo sát, đo đạc bản đồ chủ yếu tập trung ở khu vực có điều kiện không thuận lợi về giao thông, địa hình, khí hậu... nên công tác đảm bảo an toàn cho người lao động và thiết bị khó khăn, chi phí cho công tác sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị lớn.

Theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường công tác đo đạc bản đồ địa chính luôn gắn với công tác đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất. Tuy nhiên công tác

cấp GCNQSD đất phụ thuộc vào chủ sử dụng đất, sự vào cuộc của chính quyền địa phương, nên các công trình cấp GCNQSD đất thường chậm tiến độ, kéo dài, chi phí cao dẫn đến tình trạng lỗ.

Phần II: Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Cơ cấu doanh thu thuần:

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Gía trị	Tỷ trọng	Gía trị	Tỷ trọng
- Đo đạc bản đồ, quản lý đất đai	67.946	90%	68.713	90%
- Địa chất khoáng sản	5.608	7,5%	4.499	5,9%
- Dịch vụ khác	1.917	2,5%	3.129	4,1%
Tổng cộng	75.471	100%	76.341	100%

Nhìn vào cơ cấu doanh thu sản phẩm dịch vụ của Công ty năm 2017 cho thấy:

+ Doanh thu lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai chiếm tỷ trọng lớn 90% trong tổng doanh thu. Điều này chứng tỏ sản phẩm chính của Công ty là lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai.

+ Doanh thu lĩnh vực địa chất khoáng sản còn thấp, chiếm 5,9% trên tổng doanh thu, thấp hơn so với năm trước.

+ Doanh thu dịch vụ khác như: dịch vụ khách sạn, thuê kiốt, thu nhập khác chiếm 4,1% trên tổng doanh thu, cao hơn so với năm trước do năm nay giá trị doanh thu về dịch vụ khách sạn có mở thêm kinh doanh nhà hàng ăn uống nên tạo ra sản phẩm doanh thu cao hơn.

b. Cơ cấu lợi nhuận:

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Gía trị	Tỷ trọng	Gía trị	Tỷ trọng
- Đo đạc bản đồ, quản lý đất đai	1.984	88,8%	1.855	84,1%
- Địa chất khoáng sản	161	7,2%	134	6,1%
- Dịch vụ khác	88	4%	216	9,8
Tổng cộng	2.233	100%	2.205	100%

Nhìn vào cơ cấu lợi nhuận của Công ty năm 2017 cho thấy:

+ Lợi nhuận lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai chiếm tỷ trọng lớn 84,1% trong tổng lợi nhuận.

+ Lợi nhuận lĩnh vực địa chất khoáng sản còn thấp, chiếm 6,1% trên tổng lợi nhuận, thấp hơn so với năm trước.

+ Lợi nhuận dịch vụ khác như: dịch vụ khách sạn, thuê kiốt, thu nhập khác chiếm 9,8% trên tổng lợi nhuận, cao hơn so với năm trước.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Ngay từ đầu năm Hội nghị đại biểu người lao động Công ty đã đề ra kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của cả năm 2017 và thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2017 tổ chức ngày 26/4/2017.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn, dịch vụ trong các lĩnh vực: đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, địa chất khoáng sản... Doanh thu của Công ty chiếm đến hơn 80% từ các hoạt động dịch vụ công ích trong các lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai được ký kết đặt hàng, đấu thầu với đối tác là Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh. Kinh phí cho các hoạt động này chủ yếu là từ ngân sách nhà nước.

Bảng so sánh thực hiện với kế hoạch như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ KH/TH năm 2017	Tỷ lệ TH/Năm trước
Tổng giá trị SXKD	90.300	90.500	90.500	100,00%	100,22%
Tổng doanh thu	75.471	75.000	76.341	101,79%	101,15%
Lợi nhuận trước thuế	2.233	2.200	2.205	100,23%	98,74%
Tỷ lệ trả cổ tức	5,45	6,13	6,2	101,14%	113,76%

Qua bảng trên ta thấy:

+ Doanh thu năm 2017 đạt 101,79% so với kế hoạch đạt ra và bằng 101,15% so với năm trước.

+ Lợi nhuận năm 2017 đạt 100,23% so với kế hoạch đạt ra và bằng 98,74% so với năm trước.

+ Tỷ lệ trả cổ tức năm 2017 đạt 101,14 % so với kế hoạch đạt ra và bằng 113,76% so với năm trước.

Qua đó ta thấy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều đạt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đầu năm đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

2.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Hùng Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Vũ Quốc Lập	Tổng Giám Đốc-Thành viên Hội đồng quản trị	
3	Lê Phương Châm	Phó Tổng Giám Đốc-Thành viên Hội đồng quản trị	

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

1. Ông Phạm Hùng Thuận - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	PHẠM HÙNG THUẬN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/02/1962
Nơi sinh:	Thái Thụy, Thái Bình
CMND:	012354731 Ngày cấp: 03/10/2012
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 37 Ngõ 1150 Đường Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Trắc địa, kỹ sư công nghệ thông tin
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị
Số CP nắm giữ hiện tại	874.149
✓ Đại diện sở hữu: của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	856.749
✓ Cá nhân sở hữu:	17.400

2. Ông Vũ Quốc Lập – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	VŨ QUỐC LẬP
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/09/1964
Nơi sinh:	Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
CMND:	011775927

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P209, nhà E, tổ 6a Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ trắc địa
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Phó bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản.
Số CP nắm giữ hiện tại	698.851
✓ Đại diện sở hữu của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam:	686.351
✓ Cá nhân sở hữu:	12.500

3. Ông Lê Phương Châm – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	LÊ PHƯƠNG CHÂM	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	18/12/1962	
Nơi sinh:	Hà Nội	
CMND:	001062004040	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Địa chỉ thường trú:	Số 10, Cao Bá Quát, Hà Nội	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kỹ thuật	
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc	
Số CP nắm giữ hiện tại	37.940 cổ phiếu	
✓ Đại diện sở hữu:	Không	
✓ Cá nhân sở hữu:	37.940	cổ phiếu

2.2. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Thị Kim Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ninh Hải Long	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Hải Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

Sơ yếu lý lịch thành viên BKS

1. Bà Hoàng Thị Kim Thanh - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:	HOÀNG THỊ KIM THANH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	27/08/1967
Nơi sinh:	Yên Lạc, Vĩnh Phúc
CMND:	012922500
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 12/72 ngõ 1150 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Trưởng ban kiểm soát
Số CP nắm giữ hiện tại	5.500 cổ phiếu
✓ Đại diện sở hữu:	-
✓ Cá nhân sở hữu:	5.500 cổ phiếu

2. Ông Ninh Hải Long – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	NINH HẢI LONG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/6/1976
Nơi sinh:	Vĩnh Phúc
CMND:	026076000015
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	TT Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Kiểm soát viên, Phó Chánh Văn phòng
Số CP nắm giữ hiện tại	2.500 cổ phiếu
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	37.500 cổ phiếu

3. Ông Nguyễn Hải Hà – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	NGUYỄN HẢI HÀ
Giới tính:	Nam

Họ và tên:	NGUYỄN HẢI HÀ
Ngày tháng năm sinh:	30/4/1982
Nơi sinh:	Xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
CMND:	135078540
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 138,tổ 5 Phường Hùng Vương, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Kiểm soát viên
Số CP nắm giữ hiện tại	
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	Không

2.3. Ban Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Quốc Lập	Tổng Giám đốc
2	Lê Phương Châm	Phó Tổng giám đốc
3	Vũ Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc
4	Đặng Quốc Hậu	Phó Tổng giám đốc

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc:

1. Ông Vũ Quốc Lập - Tổng Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như mục 2.1)

2. Ông Lê Phương Châm – Phó Tổng Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như mục 2.1)

3. Ông Vũ Thanh Hải– Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	VŨ THANH HẢI
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/05/1966
Nơi sinh:	Thị trấn Lâm, Ý yên, Nam Định
CMND:	011495516 Ngày cấp: 13/12/2011
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 37C Ngõ 157/23 Pháo Đài Láng, Láng Thượng,

	Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Trắc địa
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Phó Tổng giám đốc công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản
Số CP nắm giữ hiện tại	6.400
✓ Đại diện sở hữu:	0
✓ Cá nhân sở hữu:	6.400

4. Ông Đặng Quốc Hậu – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	ĐẶNG QUỐC HẬU
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/02/1966
Nơi sinh:	Nghi Xuân, Hà Tĩnh
CMND:	012822702 Ngày cấp: 09/09/2005
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Phòng 12A02 tháp A nhà CT1,2 khu đô thị Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kỹ thuật Trắc địa
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ 2- Chi nhánh Công ty CP Đo đạc và Khoáng sản.
Số CP nắm giữ hiện tại	7.200
✓ Đại diện sở hữu:	0
✓ Cá nhân sở hữu:	7.200

2.4. Kế toán trưởng

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	18/09/1979
Nơi sinh:	Phổ Yên-Bắc Thái
CMND:	019179000043
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 27, ngách 1/48, Phạm Tuấn Tài, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản
Số CP nắm giữ hiện tại	4.400
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	4.400

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

* Số lượng người lao động biên chế trong Công ty

Phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Số nhân sự trong Công ty	185	100
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Trên đại học	17	9,2
• Đại học, cao đẳng	86	46,5
• Trung học chuyên nghiệp	82	44,3
• Lao động phổ thông	0	0
Phân theo phân công lao động		
• Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc	05	2,7
• Lao động quản lý	40	21,6
• Lao động trực tiếp	140	75,7
Phân theo hợp đồng lao động		
• Hợp đồng xác định thời hạn	15	8,1
• Hợp đồng không xác định thời hạn	170	91,9
• Hợp đồng dưới 01 năm, hợp đồng thử việc, thực tập sinh, hợp đồng giao khoán	0	0
Phân theo giới tính		
• Nam	147	79,5
• Nữ	38	20,5

*** Chính sách đối với người lao động**

Môi trường làm việc

Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung. Các chính sách của công ty luôn hướng đến tinh thần đoàn kết giữa ban quản lý, điều hành với CBCNV, người lao động cũng như giữa các CBCNV, người lao động với nhau.

Công ty còn có môi trường làm việc ổn định về công việc và thu nhập, hầu hết các hợp đồng kinh tế là các hợp đồng dịch vụ công ích ký với các đối tác là Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh sử dụng vốn ngân sách Nhà nước. Hơn nữa, bộ máy quản lý gọn nhẹ, thống nhất sự chỉ đạo từ trên xuống đơn vị sản xuất cùng với sự trang bị đầy đủ máy móc thiết bị, công cụ, phương tiện làm việc, giúp cho nhân viên luôn đạt hiệu quả công việc cao nhất.

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho cán bộ công nhân viên Công ty.

+ Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, Công ty thường xuyên mở các khóa đào tạo ngắn ngày, nhất là khi có sự thay đổi về công nghệ thiết bị, phần mềm để phục vụ cho sản xuất nhằm giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn. Thêm vào đó, đối với lãnh đạo, nhân viên chủ chốt, Công ty còn cử đi học thêm các lớp bồi dưỡng về lý luận, chính trị, về quản lý, nghiệp vụ, hành chính...;

+ Chính sách tiền lương: Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo các quy định của Luật Lao động và các quy chế nội bộ về trả lương, phân phối thu nhập, nâng bậc lương...;

+ Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép,... cho cán bộ công nhân viên. Hàng năm công ty luôn khen thưởng và đãi ngộ những đối tượng có thành tích xuất sắc trong sản xuất.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

Tình hình thực hiện các dự án lớn Công ty đã ký và đang thực hiện:

TT	Danh mục hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Ngày ký
1	Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, lập BD ĐC và lập hồ sơ cấp GCN cho 09 Công ty TNHH MTV cà phê với Sở TN & MT tỉnh Đắk Lắk	23.571.956.000	01/6/2016
2	Đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ, số hóa chuyển hệ bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSD đất, xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn huyện Sóc Sơn – Hà Nội	62.538.324.955	25/12/2015
3	Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc, lập BD ĐC và cấp GCN QSD đất đối với Công ty lâm nghiệp Đại Thành, tỉnh Đắk Nông	7.561.244.229	9/11/2015
4	Đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp GCNQSD đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh	11.631.720.000	29/12/2017
Tổng cộng		105.303.245.184	

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ % tăng/giảm
- Tổng giá trị tài sản	114.098	103.192	-9,5%
- Doanh thu thuần	75.446	76.311	+1,15%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.344	2.602	+11%
- Lợi nhuận khác	-111	-396	+256%
- Lợi nhuận trước thuế	2.233	2.205	-1,25%
- Lợi nhuận sau thuế	1.764	1.696	-3,85%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,45	6,2	+13,76%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,17	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,09	1,08	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,77	0,76	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	3,48	3,30	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	9,8	8,34	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,66	0,74	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần	0,023	0,022	
+ Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,069	0,07	
+ Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản	0,015	0,016	
+ Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	0,031	0,034	

* Tình hình khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán của Công ty luôn lớn hơn 1 chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty là tốt. Trong đó năm 2017 tăng 0.02 lần ở hệ số thanh toán ngắn hạn, nhưng giảm 0.01 lần ở hệ số thanh toán nhanh. Nguyên nhân là do năm 2017 tài sản ngắn hạn của Công ty giảm so với năm trước về khoản mục tiền do lượng tiền thu được tại thời điểm 31/12 thấp hơn so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm so với năm trước tương đương 9 tỷ đồng trong đó hàng tồn kho lại tăng lên so với năm trước 1,8 tỷ đồng dẫn đến hệ số thanh toán nhanh giảm so với năm trước.

* Tình hình về cơ cấu vốn:

Hệ số nợ/tổng tài sản giảm so với năm trước 0.01 lần do khoản người mua trả tiền trước năm nay giảm so với năm trước vì năm 2017 Công ty đã nghiệm thu thanh quyết toán được công trình chủ đầu tư ứng trước.

Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty lớn hơn 3 lần, nguyên nhân do Công ty có vốn chủ sở hữu thấp, mặt khác do đặc thù ngành nghề việc nghiệm thu thanh lý các công trình tập trung hết vào trong tháng 12 và việc chuyển tiền của các đối tác dùng vốn ngân sách nhà nước và thanh quyết toán các công trình tập trung sang tháng 1 năm sau do vậy dẫn đến nợ phải trả cao. Tuy nhiên các khoản nợ phải trả này sang đầu năm sau sẽ giảm và vẫn bảo đảm sản xuất kinh doanh của công ty.

* Tình hình về năng lực hoạt động

Chỉ số về hàng tồn kho của Công ty năm 2017 giảm so với năm 2016 1,46 vòng nguyên nhân do vẫn còn tồn tại nhiều hàng tồn kho chủ yếu là các chi phí dở dang từ các công trình thực hiện chưa được đưa vào nghiệm thu thanh quyết toán.

Chỉ số doanh thu trên tổng tài sản năm 2017 cao hơn so với năm trước: 0,08 lần mặc dù doanh thu năm nay cao hơn năm trước một ít nhưng tổng tài sản năm nay thấp

hơn năm trước 11 tỷ đồng do đó thấy được hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tăng lên.

* Tình hình về khả năng sinh lời:

Tất cả các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2017 cao hơn so với năm trước chứng tỏ Công ty làm ăn có lãi hơn năm trước, cho thấy việc sử dụng vốn chủ sở hữu và sử dụng tài sản là hiệu quả và ổn định.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 23.800.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 2.380.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 2.380.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ SH (%)
1	Cổ đông trong nước	2.380.000	23.800.000.000	100
	Cá nhân	783.300	7.833.000.000	32,91
	Tổ chức	1.596.700	15.967.000.000	67,09
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Tổng cộng	2.380.000	23.800.000.000	100

* Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	GDKKD/CMT	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	Số 0104394831, do Sở Kế hoạch và Đầu tư	Số 51 phố Huỳnh Thúc Kháng, P.	1.543.100	64,84

STT	Tên cổ đông	ĐKKD/CMT	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
		thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/10/2016	Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà		
2	Phạm Thanh Hoa	Số 162692958, cấp ngày 17/09/2014 do CA Tp. Nam Định cấp	Số 1A tổ 2 Giáp Nhất, Thanh Xuân, Hà Nội	119.000	5
3	Phạm Hồng Thịnh	Số 013174308, cấp ngày 02/04/2009, do CA Hà Nội cấp	Tổ 4 Bò Đề, Long Biên, Hà Nội	119.000	5
4	Nguyễn Thanh Hằng	Số 001185005317, cấp ngày 28/05/2015, do Cục ĐKQL cư trú cấp	P12-C2, ngõ 210 Nghi Tâm, Tây Hồ, Hà Nội	119.000	5
Tổng cộng				1.900.100	79.84

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Đặc thù ngành nghề kinh doanh chính là chuyên tư vấn dịch vụ kỹ thuật trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, địa chất khoáng sản nên trong cấu thành giá thành sản phẩm nguyên vật liệu chiếm 10-15% chủ yếu là văn phòng phẩm: giấy A0, A4, bút... phôi giấy chứng nhận QSD đất, xăng xe đi lại phục vụ công việc. Việc quản lý nguồn nguyên liệu Công ty khoán xuống đơn vị sản xuất trong giao kế hoạch sản xuất tương ứng với từng công trình.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Hoạt động tiêu thụ năng lượng dùng cho sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là điện thấp sáng, điện phục vụ cho hệ thống máy tính, máy in, điều hòa... với tổng chi phí thấp không đáng kể.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2017 Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lao động:	430 người	389 người
- Lao động trong biên chế	204 người	185 người
- Lao động thời vụ	226 người	204 người
Mức lương bình quân	7,902 triệu đồng/tháng	8,128 triệu đồng/tháng

Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban tổng Giám Đốc

1. Tình hình chung:

Thuận lợi:

- Công ty là đơn vị có bề dày trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, lực lượng lao động có tay nghề vững vàng, cần cù chịu khó, máy móc thiết bị được trang bị đầy đủ, hiện đại đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh

- Cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty rất đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ vì sự phát triển chung của công ty.

- Công ty tích cực tìm kiếm mở nhiều nhiệm vụ mới cùng các nhiệm vụ dờ dang từ năm trước chuyển sang nên đã điều phối, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sản xuất rõ ràng, đầy đủ ngay từ đầu năm.

Khó khăn:

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là trong lĩnh vực quản lý đất đai, trong khi đó nhiều địa phương đến nay đã cơ bản hoàn thành việc đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất, mặt khác nguồn kinh phí tại các địa phương hạn chế nên việc mở nhiệm vụ gặp rất nhiều khó khăn.

- Bộ máy quản lý của Công ty hiện vẫn còn khá cồng kềnh, nhiều vị trí chưa tận dụng hết được năng suất dẫn đến chi phí quản lý của Công ty cao.

- Nguồn kinh phí Chính phủ hỗ trợ cho ngành nghề này rất ít, dẫn đến nhiều công trình đã hoàn thành từ các năm trước nhưng chưa được thanh toán.

- Công tác CGCNQSD đất là dạng công việc khó khăn phức tạp, đòi hỏi sự vào cuộc của chính quyền địa phương, sự phối kết hợp của các cơ quan chuyên môn, của người sử dụng đất nên công việc này thường kéo dài qua nhiều năm, chi phí công trình lớn do vậy dẫn đến khi kết thúc, quyết toán nhiều công trình lỗ.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ngay từ đầu năm Hội nghị đại biểu người lao động Công ty đã đề ra kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của cả năm 2017 và trên cơ sở đó ngày 26/4/2017 Công

ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2017.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là tư vấn, dịch vụ kỹ thuật trong các lĩnh vực: đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, địa chất khoáng sản... Doanh thu của Công ty chiếm đến hơn 80% từ các hoạt động dịch vụ công ích trong các lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai được ký kết đặt hàng, đấu thầu với đối tác là Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh. Kinh phí cho các hoạt động này chủ yếu là từ ngân sách nhà nước.

Năm 2017, về cơ bản Công ty đã hoàn thành mục tiêu đề ra, cụ thể:

- Sản lượng:

+ Sản lượng kế hoạch: 90.500.000.000 đồng

+ Sản lượng thực hiện: 90.500.000.000 đồng

- Doanh thu:

+ Doanh thu kế hoạch: 75.000.000.000 đồng

+ Doanh thu thực hiện: 76.341.294.106 đồng

- Lợi nhuận:

+ Lợi nhuận kế hoạch: 2.200.000.000 đồng

+ Lợi nhuận thực hiện: 2.205.731.805 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.696.143.766 đồng

Qua số liệu trên cho thấy, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty đều đạt so với kế hoạch đề ra trong đó: Doanh thu đạt được 101,79%, Sản lượng thực hiện đạt 100%, lợi nhuận đạt được 100,26% so với kế hoạch đề ra đầu năm.

Tổng giá trị còn lại của các hợp đồng dở dang từ các năm trước chuyển sang và giá trị hợp đồng ký mới giao cho các đơn vị thực hiện khoảng 187 tỷ đồng. Công ty tạo đủ công ăn việc làm cho toàn bộ người lao động. Thu nhập bình quân đạt 8,128 triệu đồng/người/tháng. Mọi quyền lợi của người lao động được bảo đảm.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ
A	Tài sản ngắn hạn	103.795.374.788	94.057.018.204
1	Tiền	5.030.755.874	2.647.138.931
2	Phải thu của khách hàng	76.041.471.223	68.337.771.858
3	Trả trước người bán	2.608.167.000	470.000.000
4	Các khoản phải thu khác	13.508.132.903	14.275.154.204

5	Hàng tồn kho	6.468.595.862	8.279.424.157
6	Tài sản ngắn hạn khác	138.251.926	47.529.054
B	Tài sản dài hạn	10.302.628.888	9.135.428.098
1	Tài sản cố định hữu hình	9.199.710.251	8.159.554.957
2	Tài sản cố định vô hình		
3	Tài sản dài hạn khác	1.102.918.637	975.873.141
	Tổng cộng tài sản	114.098.003.676	103.192.446.302

* Quản lý tài sản ngắn hạn (tiền, tạm ứng, tồn kho) đều thực hiện theo đúng quy định trong quy chế quản lý tài chính của Công ty và quy định của Nhà nước.

Việc quản lý vốn bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng thông qua xây dựng kế hoạch chi tiêu phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh. Mọi phát sinh được phản ánh đầy đủ và kịp thời trên sổ sách kế toán.

Việc quản lý tiền tạm ứng: Giá trị tạm ứng phục vụ sản xuất kinh doanh đến cuối kỳ còn khá lớn, Công ty chưa tích cực trong việc khấu trừ tạm ứng, do vậy Công ty cần có biện pháp để thu hồi tạm ứng.

Việc quản lý hàng tồn kho: nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đều được thực hiện kiểm kê, xác định giá trị thực hiện, Công ty luôn quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất đã thực hiện, đảm bảo không vượt quá giá trị khối lượng được thanh toán để không xảy ra tình trạng lỗ.

* Tình hình quản lý tài sản cố định

Tài sản cố định tại Công ty được quản lý theo đơn vị (bộ phận sử dụng) và quản lý theo đặc điểm (loại) tài sản được thể hiện trên thẻ tài sản cố định.

Việc quản lý, sử dụng tài sản cố định được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và thực hiện theo Quy chế Quản lý tài chính của Công ty về quản lý tài sản cố định. Các thủ tục mua sắm tài sản cố định, thanh lý, nhượng bán tài sản, kiểm kê tài sản được thực hiện đúng quy định.

Năm 2017 Công ty đầu tư mua sắm bổ sung tài sản cố định nguyên giá tăng: 1.757.133.636 đ và thanh lý máy móc thiết bị hỏng không dùng được nữa nguyên giá giảm: 1.831.429.265 đ.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Công tác quản lý công nợ phải thu, công nợ phải trả được thực hiện theo đúng quy chế quản lý nợ trong quy chế quản lý tài chính Công ty đã xây dựng ban hành. Công ty quản lý công nợ theo từng mã khách hàng, chi tiết từng hợp đồng, đối chiếu công nợ đầy đủ, phân tích tuổi nợ, trích lập dự phòng...

* Nợ phải thu đến cuối kỳ báo cáo:	83.082.926.062 đồng
Trong đó: + Phải thu của khách hàng:	68.337.771.858 đồng
+ Phải trả người bán	470.000.000 đồng
+ Phải thu ngắn hạn khác:	14.275.154.204 đồng

- Các khoản nợ phải thu của khách hàng: Khách hàng của Công ty phần lớn là Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, kinh phí hoạt động chủ yếu từ ngân sách nhà nước tại các địa phương nên việc thanh toán và chuyển tiền các công trình đã thực hiện cho Công ty chủ yếu thực hiện trong Quý I năm sau nên các khoản nợ phải thu đến 31/12 của Công ty là khá lớn. Tính đến thời điểm 31/3/2018 nợ phải thu khách hàng của Công ty còn lại là: 31.000.000.000 đ.

Khoản nợ phải thu hiện tại không đáng lo ngại và các khoản nợ này không phải là nợ phải thu khó đòi nguyên nhân do chưa được ngân sách cấp và Công ty cũng tạm thời chưa trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu. Tuy nhiên khoản nợ này tương đối lớn nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện thanh quyết toán cho người lao động.

- Các khoản phải trả người bán là khoản tiền Công ty chuyển trả cho các đối tác thực hiện các công trình nhưng vẫn chưa được nghiệm thu, quyết toán.

- Các khoản phải thu ngắn hạn khác là tiền Công ty cho tạm ứng để phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng chưa được khấu trừ, chưa được nghiệm thu thanh toán.

Công ty chưa tích cực trong việc khấu trừ tạm ứng, tuy nhiên các khoản phải thu ngắn hạn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thấp hơn rất nhiều giá trị khối lượng đã thực hiện nhưng chưa được thanh quyết toán nên không xảy ra tình trạng lỗ.

* Nợ phải trả đến cuối kỳ báo cáo:	79.235.446.302 đ
Trong đó: + Phải trả người bán:	4.075.755.600 đ
+ Người mua trả tiền trước	5.263.568.426 đ
+ Thuế và các khoản phải nộp:	6.599.580.675 đ
+ Chi phí phải trả ngắn hạn:	152.037.737 đ
+ Phải trả ngắn hạn khác:	53.427.842.861 đ
+ Vay và nợ thuê tài chính:	9.464.600.000 đ
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi:	252.061.003 đ

Các khoản nợ phải trả năm 2017 cao là do:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: do đặc thù của ngành nghề dầu ra chủ yếu tập trung vào tháng 12 hàng năm nên dẫn đến thuế GTGT tháng 12 phải nộp cao

và việc nộp tiền thuế này sẽ được hạch toán sang tháng 1 năm sau. Hiện tại đến 31/3/2018 các khoản thuế này đã được nộp đầy đủ.

- Các khoản phải trả, phải nộp khác: Tại thời điểm ngày 31/12 hàng năm do tiền nợ phải thu của khách hàng cao nên Công ty đã vay lại của người lao động theo đúng quy định trong các quy chế nội bộ và Thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết. Thông thường sang tháng 1, 2 năm sau khi thu được tiền, Công ty trả các khoản vay này tương ứng với số tiền đã thu được. Tính đến 31/3/2018 các khoản phải trả này còn lại là 15.000.000.000 đ.

- Vay và nợ tài chính: Hiện tại số vay và nợ tài chính là khoản vay tín dụng cá nhân trong và ngoài Công ty, có hợp đồng vay và lãi suất vay theo đúng quy định

Tóm lại, tất cả các khoản nợ phải trả trên của Công ty chưa có khoản nào nợ quá hạn, Công ty nộp thuế và các khoản bảo hiểm xã hội đầy đủ.

* Phân tích về khả năng thanh toán nợ = tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn = $94.057.018.204 \text{ đ} / 79.235.446.302 \text{ đ} = 1,19$ lần.

Qua các chỉ số phân tích về khả năng thanh toán nợ lớn hơn 1, chứng tỏ Công ty có khả năng thanh toán nợ.

* Phân tích về chỉ số nợ = Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = $79.235.446.302 \text{ đ} / 23.957.000.000 \text{ đ} = 3,3$ lần

Chỉ số này hơi cao do nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty thấp, mặt khác để đạt được giá trị sản lượng, doanh thu cao thì Công ty phải dùng các nguồn khác để phục vụ sản xuất kinh doanh như: ứng trước, vay vốn, vay của người lao động... Tuy nhiên theo phân tích ở trên thì các khoản nợ phải trả này không đáng lo ngại, tình hình tài chính của Công ty ổn định, Công ty hoàn toàn có khả năng để trả các khoản nợ này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Hệ thống các nội quy, quy chế nội bộ của Công ty được xây dựng mới phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty là cơ sở để thống nhất quản lý, điều hành trong toàn Công ty, tạo được sự minh bạch, dân chủ đảm bảo quyền lợi của tập thể, quyền lợi của người lao động, tạo được sự đồng thuận trong việc tổ chức và thực thi các nhiệm vụ được giao.

- Bộ phận quản lý trên Công ty thường xuyên theo dõi, quản lý các đơn vị sản xuất trực thuộc ở dưới để có biện pháp hỗ trợ tích cực trong sản xuất.

- Công ty luôn rà soát bố trí lại lượng lao động dưới các đơn vị sản xuất để bố trí cho phù hợp với nhiệm vụ được giao. Những đối tượng có thành tích xuất sắc trong công việc được bố trí đảm nhiệm vị trí quan trọng trong đơn vị.

- Chế độ chính sách đối với người lao động luôn được Công ty quan tâm, đảm bảo đầy đủ: trang bị bảo hộ lao động, tham quan nghỉ mát, chế độ ốm đau, thai sản...

- Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, lựa chọn những người lao động có chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, hạn chế để tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí vô ích cho công ty. Nhằm tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho công ty. Công ty hàng năm cũng đưa ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với kết quả hoạt động sản xuất năm 2017 Công ty đưa ra kế hoạch hoạt động sang năm 2018 như sau:

- Giá trị sản lượng hoàn thành 90,5 tỷ đồng
- Doanh thu : 75 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 2,2 tỷ đồng
- Các khoản trích nộp ngân sách 8,5 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân của người lao động trên 8 triệu đồng/người/tháng
- Đảm bảo đủ việc làm thường xuyên cho 100% người lao động trong Công ty
- Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng sản phẩm

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên, nữ công chăm lo đời sống CBCNV và người lao động.

* Các biện pháp thực hiện như sau:

a. Thực hiện nhiệm vụ:

- Lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai:

+ Hoàn thành công tác địa giới hành chính 513 trên đất liền và trên biển tại các tỉnh: Lai Châu, Cao Bằng, Kiên Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh.

+ Hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn các tỉnh: Hà Nội, Hòa Bình, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lai Châu, Phú Thọ, Quảng Ngãi...

+ Lập hồ sơ ranh giới đất nông lâm trường giai đoạn 1 và chuẩn bị tham gia các công trình thuộc dự án VLAP giai đoạn 2.

- Lĩnh vực địa chất khoáng sản:

+ Tiếp tục thực hiện các hợp đồng về lập đề án thi công thăm dò mỏ đá vôi, mỏ sắt, chì kẽm, đá, cát sỏi tại các tỉnh BắcKạn, Thái Nguyên, Hòa Bình, Phú Thọ.

- Lĩnh vực kinh doanh khác:

+ Phát triển kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống tại thành phố Vinh và khai thác địa điểm tại 80 Láng Hạ.

b. Công tác quản lý:

- Tiếp tục duy trì và phát triển các mối quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng các mối quan hệ mới, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ trong ngành nghề để đảm bảo đủ công ăn việc làm cho các đơn vị sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra của các lãnh đạo, phòng chuyên môn nghiệp vụ, để hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thi công đảm bảo cho hiệu quả và hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng yêu cầu của đối tác.

- Tập trung nguồn lực tài chính, tích cực thu hồi công nợ của các đối tác, cân đối nguồn vốn và trang bị đầy đủ máy móc thiết bị, bố trí nhân lực đủ để thực hiện tốt các nhiệm vụ, đảm bảo đạt hiệu quả cao trong công việc về năng suất và tài chính.

- Nghiên cứu những quy định đổi mới trong quản lý liên quan đến hoạt động của Công ty về kỹ thuật công nghệ, về quản lý tài chính, về chế độ chính sách đối với người lao động: bảo hiểm xã hội để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty

5. Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiêu thụ nước và năng lượng điện chủ yếu phục vụ cho bộ máy gián tiếp là chủ yếu nên lượng tiêu thụ nước và điện hàng năm rất thấp và có trách nhiệm đóng đầy đủ cho các cơ quan ban ngành quản lý tại địa phương.

Trong năm qua, Công ty thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải, đóng phí vệ sinh môi trường đầy đủ. Công ty vận động và đưa vào quy chế làm việc thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn hướng tới sự phát triển bền vững quan tâm tới đời sống của CBCNV và người lao động trong Công ty về vật chất và cả tinh thần. Ngoài việc tạo đủ công ăn việc làm cho người lao động với mức thu nhập trung bình trên 8 triệu đồng/người/tháng, ban lãnh đạo Công ty kết hợp với tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, ban nữ công tổ chức thăm quan nghỉ mát cho từng đơn vị, động viên, thăm hỏi kịp thời người lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ốm đau và tổ chức những ngày lễ tết: tết thiếu nhi, rằm trung thu, ngày phụ nữ...

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Do đặc thù ngành nghề người lao động của công ty thực hiện công việc trên nhiều địa bàn khắp cả nước với từng địa phương nơi họ làm việc. Do vậy trước khi triển khai thực hiện nhiệm vụ mới lãnh đạo Công ty cử người xuống địa phương trước liên hệ với xã phường để tạo điều kiện thuận lợi trong công việc.

Khi xuống địa phương nơi đơn vị cá nhân làm việc phải thực hiện đầy đủ nội quy xã phường đó quy định, không gây hách dịch, gây khó khăn cho dân tại địa phương đó.

Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

a. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2017, tại các địa bàn đóng làm trụ sở của Công ty, của các chi nhánh trực thuộc cũng như tại địa bàn mà Công ty thực hiện các công trình dự án, các tập thể, cán bộ, người lao động của Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của địa phương về trách nhiệm môi trường và xã hội. Không có đơn thư khiếu nại phản ánh về vấn đề môi trường, các vấn đề về xã hội.

b. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc

Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu về tư vấn, dịch vụ trong các lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, địa chất khoáng sản..., địa bàn hoạt động rộng khắp trong cả nước. Năm 2017, để nâng cao năng lực hoạt động của Ban Tổng giám đốc, theo đề nghị của Tổng giám đốc từ tháng 6/2017, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm thêm 02 Phó tổng giám đốc. Hiện nay, Ban Tổng giám đốc gồm có 04 người, ngoài Tổng giám đốc là chuyên trách, còn lại 03 phó Tổng giám đốc đều kiêm nhiệm giám đốc các chi nhánh. Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đều là những người có kinh nghiệm quản lý, điều hành, năng động, nhiệt tình, trách nhiệm và nắm vững chuyên chuyên, nghiệp vụ.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đưa ra các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình thực tế trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, từ đó hoàn thành toàn diện mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Ban Tổng giám đốc đã tích cực mở rộng quan hệ, mở rộng thị trường để tìm kiếm, ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế, tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Ban Tổng giám đốc tổ chức và thực hiện nghiêm túc các quy chế nội bộ tạo nên sự dân chủ, công bằng, minh bạch.

- Công tác lao động tiền lương luôn thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ, nâng lương chuyển ngạch theo đúng quy định.

- Công tác tài chính kế toán thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, thanh toán đầy đủ các công trình thanh quyết toán năm 2017 cho người lao động, tích cực thu hồi công nợ các đối tác để có đủ nguồn kinh phí thực hiện.

- Công tác đầu tư trang thiết bị, công nghệ luôn được quan tâm, việc đầu tư đúng mục đích, hiệu quả, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, việc phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc vẫn chưa thực sự rõ ràng. Việc phối hợp giữa các thành viên trong Ban Tổng giám đốc chưa thực sự tốt; việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra công việc của các đơn vị, phòng ban còn chưa kịp thời, sâu sát; bộ máy quản lý của Công ty còn khá cồng kềnh, nhiều vị trí chưa tận dụng

được hết công suất, năng lực làm việc còn yếu dẫn đến hiệu quả hoạt động nhìn chung chưa cao.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- Giá trị sản lượng hoàn thành đạt khoảng 90,5 tỷ đồng
- Doanh thu dự kiến đạt 75 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 2,2 tỷ đồng
- Các khoản trích nộp ngân sách: 8,5 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân của người lao động: 8,150 triệu đồng/người/tháng

3.2. Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng định hướng phát triển dài hạn cho Công ty, nắm được rõ sự phát triển của ngành nghề để có những chuyển hướng tích cực và đáp ứng được xu thế của ngành. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Tiếp tục duy trì và phát triển tốt các mối quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng các mối quan hệ mới, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ để tìm kiếm nhiều việc làm đảm bảo đủ việc làm thường xuyên cho người lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị và công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, thực hiện theo đúng Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các nhân và đơn vị. Đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế nội bộ của Công ty.

- Tăng cường hướng tới cơ sở của lãnh đạo và các phòng chuyên môn nghiệp vụ, đẩy mạnh công tác kiểm tra, sâu sát công việc. Tổ chức thường xuyên cán bộ quản lý xuống các đơn vị sản xuất để hỗ trợ công tác kỹ thuật, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc kịp thời nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.

- Kiện toàn tổ chức, đẩy mạnh nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng tính chủ động cho các đơn vị sản xuất trực tiếp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Có chính sách thu hút nguồn nhân lực có tay nghề chuyên môn cao, đưa ra các chính sách tiền lương thưởng hấp dẫn để tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên đối với Công ty. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo

xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhằm không ngừng nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của Công ty.

- Nghiên cứu, tìm hiểu và có kế hoạch đầu tư thiết bị, công nghệ mới, hiện đại để phục vụ sản xuất nhằm tăng hiệu quả, năng suất lao động.

- Tìm hiểu, nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty như các quy định về chuyên môn kỹ thuật, quy định về quản lý tài chính, về bảo hiểm xã hội và các quy định về hoạt động của Công ty đại chúng... để kịp thời điều chỉnh các quy chế nội bộ, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Nghiên cứu xây dựng phương án mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty ngoài các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống, khai thác tối đa cơ sở vật chất, tài sản hiện có và lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng nguồn thu cho Công ty đảm bảo chi trả cho những chi phí tăng lên sau cổ phần hóa và tăng thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của Nhà nước, của Công ty và của các cổ đông.

- Tiếp tục phát huy hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công để tạo động lực tinh thần đoàn kết, cùng nhau phát triển Công ty.

Phần V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Phạm Hùng Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC VÀ KHOÁNG SẢN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hùng Thuận	Chủ tịch – Người đại diện theo pháp luật
Ông Vũ Quốc Lập	Thành viên
Ông Lê Phương Châm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quốc Lập	Tổng Giám đốc
Ông Lê Phương Châm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2017)
Ông Đặng Quốc Hậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2017)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tray mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quốc Lập
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 54/2018/ KT-AV2-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2018, từ trang 06 đến trang 27 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Lê Thành Long
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0922-2018-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đỗ Dương Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2904-2015-055-1

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.057.018.204	103.795.374.788
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.647.138.931	5.030.755.874
1. Tiền	111	5	2.647.138.931	5.030.755.874
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.082.926.062	92.157.771.126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	68.337.771.858	76.041.471.223
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		470.000.000	2.608.167.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	14.275.154.204	13.508.132.903
IV- Hàng tồn kho	140		8.279.424.157	6.468.595.862
1. Hàng tồn kho	141	8	8.279.424.157	6.468.595.862
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		47.529.054	138.251.926
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.529.054	138.251.926
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.135.428.098	10.302.628.888
II- Tài sản cố định	220		8.159.554.957	9.199.710.251
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.159.554.957	9.199.710.251
- Nguyên giá	222		36.081.321.381	36.155.617.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.921.766.424)	(26.955.906.759)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		843.229.870	843.229.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(843.229.870)	(843.229.870)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		975.873.141	1.102.918.637
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	975.873.141	1.102.918.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		103.192.446.302	114.098.003.676

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		79.235.446.302	88.645.078.490
I- Nợ ngắn hạn	310		79.235.446.302	88.645.078.490
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.075.755.600	1.413.789.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.263.568.426	24.853.944.331
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	6.599.580.675	7.125.638.973
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	152.037.737	70.744.444
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	53.427.842.861	49.551.302.514
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	9.464.600.000	5.576.415.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		252.061.003	53.244.228
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.957.000.000	25.452.925.186
I- Vốn chủ sở hữu	410	17	23.957.000.000	25.452.925.186
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.800.000.000	23.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.800.000.000	23.800.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		157.000.000	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	1.652.925.186
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	1.652.925.186
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		103.192.446.302	114.098.003.676

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thanh Hải

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Quốc Lập

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	76.311.486.978	71.070.167.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	76.311.486.978	71.070.167.669
4. Giá vốn hàng bán	11	19	61.499.927.433	58.853.511.586
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.811.559.545	12.216.656.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	20.307.128	13.147.755
7. Chi phí tài chính	22	21	685.574.287	276.467.778
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		685.574.287	276.467.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.544.248.803	9.740.486.493
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.602.043.583	2.212.849.567
11. Thu nhập khác	31	23	9.500.000	-
12. Chi phí khác	32	23	405.811.778	110.970.468
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	(396.311.778)	(110.970.468)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.205.731.805	2.101.879.099
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	509.588.039	442.569.913
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.696.143.766	1.659.309.186
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	650	613

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thanh Hải

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Quốc Lập

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.205.731.805	2.101.879.099
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.733.685.542	1.882.755.154
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		45.796.260	(13.147.755)
- Chi phí lãi vay	06		685.574.287	276.467.778
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.670.787.894	4.247.954.276
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.163.067.936	(43.614.057.999)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.810.828.295)	2.089.076.550
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.780.605.047)	37.706.771.405
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.045.496	993.209.414
- Tiền lãi vay đã trả	14		(756.318.731)	(205.723.334)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(492.569.913)	(30.748.924)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		200.000.000	1.025.250.302
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.183.225)	(967.577.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.680.603.885)	1.244.154.281
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.315.580.000)	(926.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.307.128	13.147.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.295.272.872)	(912.852.245)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		15.164.600.000	2.830.440.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.276.415.000)	(1.267.691.087)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.295.925.186)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.592.259.814	1.562.748.913
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.383.616.943)	1.894.050.949
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.030.755.874	3.136.704.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	2.647.138.931	5.030.755.874

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Quốc Lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Liên đoàn Trắc địa Địa hình thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, là Công ty con của Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Từ ngày 28/09/2010, Công ty Đo đạc và Khoáng sản chuyển thành Công ty TNHH MTV Đo đạc và Khoáng sản theo Quyết định số 275/QĐ-HĐTV ngày 28/09/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104575757 thay đổi lần thứ nhất ngày 02/11/2010 thì vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đo đạc và Khoáng sản là: 31.500.000.000 VND (Ba mươi một tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 26/04/2016, Công ty TNHH MTV Đo đạc và Khoáng sản chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104575757 thay đổi lần thứ ba ngày 26/04/2016 với số vốn điều lệ là 23.800.000.000 VND (Hai mươi ba tỷ tám trăm triệu đồng) tương đương 2.380.000 cổ phần.

Ngày 05/01/2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (thị trường Upcom) với mã chứng khoán là SUM.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 80 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đo đạc và khoáng sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khảo sát đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thăm dò địa chất, khoáng sản, kinh doanh dịch vụ khách sạn.

- Tư vấn giám sát các hoạt động về đo đạc bản đồ, địa chất, khoáng sản;
- Điều tra, đánh giá, tìm kiếm, thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao nhà nước, lưới địa chính các cấp hạng;
- Đo vẽ, thành lập và hiệu chỉnh bản đồ địa hình, bản đồ độ sâu, đo vẽ bản đồ địa chính các tỷ lệ và lập hồ sơ địa chính;
- Đo đạc công trình phục vụ cho thiết kế, quy hoạch, xây dựng và quản lý các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm, công trình thủy, các công trình trên biển;
- Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, thông tin địa lý, các hệ thống thông tin chuyên ngành;
- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều tra thổ nhưỡng, đánh giá thích nghi và phân hạng đất đai; lập quy hoạch khai thác khoáng sản;
- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, thiết bị, vật tư phục vụ cho ngành tài nguyên môi trường và một số ngành nghề khác; kinh doanh, kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực: Đo đạc bản đồ, địa chất, khoáng sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1.3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Đo đạc các thông số môi trường; thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường; lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường, tư vấn, thẩm định, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường;
- Kinh doanh du lịch lữ hành trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải: Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực: Đo đạc, bản đồ, địa chất, khoáng sản, quản lý đất đai;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có sự kiện nào ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị phụ thuộc của Công ty bao gồm:

Các đơn vị hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty):

- Xí nghiệp Khảo sát và thăm dò Địa chất
- Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ 1
- Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ 2
- Xí nghiệp Phát triển Công nghệ tài nguyên môi trường và Đo đạc Biển
- Xí nghiệp Dịch vụ Khoáng sản và Du lịch
- Trung tâm Kỹ thuật công nghệ Tài nguyên Môi trường

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Vận dụng Điều 9 - Xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty không trích lập dự phòng nợ khó đòi tại ngày 31/12/2017 để phục vụ xác định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn cổ phần của Nhà nước tại Công ty.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến giá thành các hợp đồng cung cấp dịch vụ thiết kế đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng lưới địa chính... Trong đó chi phí sản xuất chung của các Xí nghiệp, Trung tâm được phân bổ theo tỷ lệ phần kinh phí giữ lại khi quyết toán phiếu giao việc của từng công trình cho các đội. Chi phí sản xuất chung của Văn phòng Công ty được phân bổ theo tỷ lệ phần kinh phí giữ lại khi quyết toán phiếu giao việc của từng công trình cho các Xí nghiệp, Trung tâm và các đội trực thuộc Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm ứng dụng. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh và công cụ dụng cụ xuất dùng.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

4.8. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; các khoản phải trả khác ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.9. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay theo các hợp đồng tín dụng được ký kết. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí phạt chậm nộp thuế đất

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- Có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc đã hoàn thành được xác nhận của bên chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Giá vốn

Giá vốn hoạt động dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành công trình, dịch vụ phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng trong kỳ là 20% .

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin về bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số 6, 18 và 28.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5 TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.157.884.942	839.220.814
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.489.253.989	4.191.535.060
Cộng	2.647.138.931	5.030.755.874

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	68.337.771.858	76.041.471.223
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	14.919.950.338	24.402.613.338
<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An</i>	<i>9.027.892.790</i>	<i>17.279.333.790</i>
<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>5.892.057.548</i>	<i>7.123.279.548</i>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	53.417.821.520	51.638.857.885
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	Mối quan hệ	
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	<i>2.568.990.701</i>	<i>2.359.635.529</i>
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>2.568.990.701</i>
		<i>2.359.635.529</i>

7 PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	14.275.154.204	-	13.508.132.903	-
Ký cược, ký quỹ	186.543.443	-	-	-
Phải thu khác	469.788.000	-	469.788.000	-
<i>Phải thu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình</i>	<i>469.788.000</i>	-	<i>469.788.000</i>	-
Tạm ứng	13.618.822.761	-	13.038.344.903	-
<i>Ông Phương Văn Tiến</i>	<i>3.642.266.731</i>	-	<i>3.372.000.304</i>	-
<i>Ông Trần Thế Phương</i>	<i>1.443.781.656</i>	-	<i>1.357.727.614</i>	-
<i>Ông Đào Tiến Hoạch</i>	<i>815.718.820</i>	-	<i>930.508.920</i>	-
Các đối tượng khác	7.717.055.554	-	7.378.108.065	-

8 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	47.799.524	-	109.260.499	-
Công cụ, dụng cụ	3.219.999	-	3.220.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.228.404.634	-	6.356.115.363	-
Cộng	8.279.424.157	-	6.468.595.862	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dài hạn	975.873.141	1.102.918.637
Lợi thế kinh doanh	600.190.110	700.380.219
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	375.683.031	402.538.418

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	24.766.849.900	6.934.012.100	4.454.755.010	36.155.617.010
Tăng trong năm	-	1.757.133.636	-	1.757.133.636
Mua sắm	-	1.757.133.636	-	1.757.133.636
Giảm trong năm	-	1.831.429.265	-	1.831.429.265
Thanh lý, nhượng bán	-	1.831.429.265	-	1.831.429.265
Số cuối năm	24.766.849.900	6.859.716.471	4.454.755.010	36.081.321.381
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	18.421.924.053	4.994.205.521	3.539.777.185	26.955.906.759
Tăng trong năm	1.481.573.337	777.060.881	475.051.324	2.733.685.542
Khấu hao trong năm	1.481.573.337	777.060.881	475.051.324	2.733.685.542
Giảm trong năm	-	1.767.825.877	-	1.767.825.877
Thanh lý, nhượng bán	-	1.767.825.877	-	1.767.825.877
Số cuối năm	19.903.497.390	4.003.440.525	4.014.828.509	27.921.766.424
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	6.344.925.847	1.939.806.579	914.977.825	9.199.710.251
Số cuối năm	4.863.352.510	2.856.275.946	439.926.501	8.159.554.957

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 982.359.302 VND (tại ngày 31/12/2016: 982.359.302 VND).

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	843.229.870	843.229.870	-
Số cuối năm	843.229.870	843.229.870	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 843.229.870 VND (tại ngày 31/12/2016: 843.229.870 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	4.075.755.600	1.413.789.000
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.593.389.100	1.244.638.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn dịch vụ đo đạc và bản đồ Đại Nam</i>	947.817.200	949.828.000
<i>Công ty TNHH Thiết bị đo đạc Toàn Phát</i>	700.000.000	194.810.000
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin địa lý EK</i>	985.589.000	100.000.000
<i>Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Đại Hồng Phát</i>	959.982.900	-
Phải trả cho các đối tượng khác	482.366.500	169.151.000

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5.754.564.361	5.844.936.629	6.043.741.864	5.555.759.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	442.569.913	579.803.691	492.569.913	529.803.691
Thuế thu nhập cá nhân	74.163.824	138.532.442	108.988.740	103.707.526
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	854.340.875	1.978.590.025	2.422.620.568	410.310.332
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	7.125.638.973	8.551.862.787	9.077.921.085	6.599.580.675

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	152.037.737	70.744.444
Lãi vay phải trả	-	70.744.444
Trích trước tiền phạt chậm nộp thuế đất	152.037.737	-

15 PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	53.427.842.861	49.551.302.514
Bảo hiểm xã hội	172.614.886	2.025.726
Cổ tức phải trả	1.475.600.000	-
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	956.722.000	-
<i>Cổ tức phải trả cho đối tượng khác</i>	518.878.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.779.627.975	49.549.276.788
<i>Phải trả đội thi công</i>	50.340.792.967	48.522.124.319
<i>Quỹ tương trợ (*)</i>	987.908.762	854.121.383
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	450.926.246	173.031.086

(*) Quỹ tương trợ là quỹ được lập ra để hỗ trợ kinh tế cho người lao động khi gặp khó khăn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
<i>Vay ngắn hạn</i>	9.464.600.000	5.576.415.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	5.000.000.000	145.975.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	5.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	145.975.000
<i>Vay cá nhân</i>	4.464.600.000	5.030.440.000
Bà Hoàng Kim Thanh	350.000.000	350.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	1.200.000.000	1.200.000.000
Ông Nguyễn Đức Dục	-	765.840.000
Bà Phan Thị Trang	-	300.000.000
Bà Phạm Thanh Hương	-	1.814.600.000
Ông Vũ Minh Đức	400.000.000	600.000.000
Bà Phạm Thị Lan	1.352.320.000	-
Bà Vũ Thị Thảo	862.280.000	-
Bà Hà Bá Thuận	300.000.000	-
<i>Vay đối tượng khác</i>	-	400.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Bình Thanh	-	400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Biến động các khoản vay:

	Số cuối năm		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngân hàng</i>	5.000.000.000	5.000.000.000	11.500.000.000	6.645.975.000	145.975.000	145.975.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (1)	5.000.000.000	5.000.000.000	11.500.000.000	6.500.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	-	-	145.975.000	145.975.000	145.975.000
<i>Vay cá nhân (2)</i>	4.464.600.000	4.464.600.000	3.664.600.000	4.230.440.000	5.030.440.000	5.030.440.000
Các cá nhân	4.464.600.000	4.464.600.000	3.664.600.000	4.230.440.000	5.030.440.000	5.030.440.000
<i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Bình Thanh	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Cộng	9.464.600.000	9.464.600.000	15.164.600.000	11.276.415.000	5.576.415.000	5.576.415.000

Chi tiết các hợp đồng vay còn số dư tại ngày 31/12/2017:

(1) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 675/2017-HĐTDHM/NHCT12-TP ngày 17/01/2017:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn: tối đa không quá 9 tháng;
- Lãi suất: Lãi suất cho vay tại ngày ký hợp đồng là 9,5%/năm và có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.

(2) Các khoản vay cá nhân chịu lãi suất theo thỏa thuận giữa Công ty và các cá nhân cho vay (từ 0,5%/tháng đến 0,75%/tháng) nhưng không vượt quá 1,5 lần mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC VÀ KHOÁNG SẢN
Số 80 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 26/04/2016	23.800.000.000	-	-	23.800.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	1.659.309.186	1.659.309.186
Điều chỉnh thuế theo biên bản kiểm tra thuế	-	-	(6.384.000)	(6.384.000)
Tại ngày 31/12/2016	23.800.000.000	-	1.652.925.186	25.452.925.186
Tại ngày 01/01/2017	23.800.000.000	-	1.652.925.186	25.452.925.186
Lãi trong năm	-	-	1.696.143.766	1.696.143.766
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	157.000.000	(1.652.925.186)	(1.495.925.186)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	(1.625.928.114)	(1.625.928.114)
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông báo số 116/TB-KV1 của Kiểm toán nhà nước khu vực I	-	-	(70.215.652)	(70.215.652)
Tại ngày 31/12/2017	23.800.000.000	157.000.000	-	23.957.000.000

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng cổ phần	Số lượng cổ phần
	VND	VND
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	1.543.100	1.543.100
Các cổ đông khác	836.900	836.900
	2.380.000	2.380.000
	15.431.000.000	15.431.000.000
	8.369.000.000	8.369.000.000
	23.800.000.000	23.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Vốn góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	23.800.000.000	23.800.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	23.800.000.000	23.800.000.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.652.925.186	-
Tăng trong năm	1.696.143.766	1.659.309.186
Lợi nhuận tăng trong năm	1.696.143.766	1.659.309.186
Giảm trong năm	(3.349.068.952)	(6.384.000)
Phân phối lợi nhuận năm trước	(1.652.925.186)	-
Chia cổ tức bằng tiền	(1.295.925.186)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	(157.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(200.000.000)	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	(1.625.928.114)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(120.328.114)	-
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(30.000.000)	-
Tạm ứng cổ tức	(1.475.600.000)	-
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông báo số 116/TB-KV1 của Kiểm toán nhà nước khu vực 1	(70.215.652)	-
Điều chỉnh thuế theo biên bản kiểm tra thuế	-	(6.384.000)
Số cuối năm	-	1.652.925.186

(*) Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 24/03/2018 của Hội đồng quản trị.

	Số cuối năm cổ phiếu	Số đầu năm cổ phiếu
c. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	2.380.000	2.380.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

18 DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.311.486.978	71.070.167.669
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.311.486.978	71.070.167.669
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.311.486.978	71.070.167.669
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan		Mối quan hệ
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	2.335.446.127	<i>Công ty mẹ</i> 2.477.968.914

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.499.927.433	58.853.511.586
Cộng	61.499.927.433	58.853.511.586

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	20.307.128	13.147.755
Cộng	20.307.128	13.147.755

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	685.574.287	276.467.778
Cộng	685.574.287	276.467.778

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.544.248.803	9.740.486.493
Chi phí nhân viên quản lý	4.711.856.588	4.771.533.461
Tiền thuế đất	1.757.049.648	1.282.828.461
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.075.342.567	3.686.124.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

23 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.500.000	-
Thu phí chuyển nhượng cổ phiếu	1.000.000	-
Thuê máy	6.000.000	-
Thu nhập khác	9.500.000	-
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	63.603.388	-
Phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm xã hội	341.408.390	110.970.468
Phạt vi phạm hành chính về phòng cháy chữa cháy	800.000	-
Chi phí khác	405.811.778	110.970.468
Lợi nhuận khác	(396.311.778)	(110.970.468)

24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.398.893.339	8.402.861.518
Chi phí nhân công	45.523.305.454	43.577.085.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.708.621.320	1.882.755.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.027.504.588	8.315.195.678
Chi phí khác	2.258.140.806	4.247.562.202
Cộng	74.916.465.507	66.425.459.710

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	2.205.731.805	2.101.879.099
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>342.208.390</i>	<i>110.970.468</i>
Phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm xã hội	341.408.390	110.970.468
Chi phí không được trừ khác	800.000	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	-	-
Lỗi năm trước chuyển sang (4)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	2.547.940.195	2.212.849.567
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	509.588.039	442.569.913
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (8)=(7)	509.588.039	442.569.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	1.696.143.766	1.659.309.186
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2a)	150.328.114	200.000.000
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý, điều hành</i>	150.328.114	200.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	1.545.815.652	1.459.309.186
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	2.380.000	2.380.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	650	613

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, bao gồm: Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương; công cụ tài chính có thể chuyển đổi; cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện; hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông hoặc bằng tiền; các quyền chọn đã được mua; quyền chọn bán đã phát hành... nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.18.

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.647.138.931	5.030.755.874
Phải thu của khách hàng	68.337.771.858	76.041.471.223
Phải thu khác	656.331.443	469.788.000
Cộng	71.641.242.232	81.542.015.097
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	4.075.755.600	1.413.789.000
Chi phí phải trả	152.037.737	70.744.444
Phải trả khác	53.427.842.861	49.551.302.514
Vay và nợ thuê tài chính	9.464.600.000	5.576.415.000
Cộng	67.120.236.198	56.612.250.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

28 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị

Thù lao Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Lương, thưởng

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị		
Thù lao Hội đồng quản trị	708.200.000	111.354.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng	324.900.000	270.854.333
Cộng	<u>1.033.100.000</u>	<u>382.208.333</u>

29 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 26/04/2016 đến ngày 31/12/2016 (kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần) của Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Quốc Lập